

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HIỆU CHUẨN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN MIỀN BẮC

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HIỆU CHUẨN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CT CPDV HIỆU CHUẨN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN MB

2. Mã số doanh nghiệp: 2400873757

3. Ngày thành lập: 16/10/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ dân phố 2A, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0855778235

Fax:

Email: congtycpdvkiemdinh@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Dịch vụ tư vấn về môi trường; Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; Dịch vụ về kiểm định, hiệu chuẩn, hiệu chỉnh, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; Dịch vụ kiểm tra không phá hủy (Siêu âm, chụp ảnh bức xạ, kiểm tra bột từ, bột thẩm thấu) các kết cấu kim loại và mối hàn	7490(Chính)
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết : Dịch vụ tư vấn, lắp đặt hệ thống an ninh; Tư vấn thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy (Theo nghị định 79/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy)	7110
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết : Đo và kiểm tra an toàn hệ thống điện, điện trở tiếp địa, kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị.	7120
4.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : Huấn luyện về an toàn lao động	8559
5.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
6.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
7.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
8.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
9.	Đúc sắt, thép	2431

10.	Đúc kim loại màu	2432
11.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
13.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
16.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
17.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
18.	Sản xuất đồng hồ	2652
19.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
20.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
21.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
22.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
23.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
24.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
25.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
26.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
27.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
28.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
29.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
30.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
31.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
32.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
33.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
34.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
35.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
36.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
37.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
38.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
39.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
40.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
41.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
42.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
43.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530

44.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
45.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
46.	Thu gom rác thải độc hại	3812
47.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
48.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
49.	Tái chế phế liệu	3830
50.	Xây dựng nhà để ở	4101
51.	Xây dựng nhà không để ở	4102
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
55.	Phá dỡ	4311
56.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
57.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết : Lắp đặt hệ thống điện dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, hệ thống báo trộm, báo động, camera, hệ thống chống sét.	4321
58.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
59.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
60.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
61.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
62.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
65.	Bán buôn đồ uống	4633
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
70.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
71.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
72.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
73.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
74.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
75.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783

76.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
77.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
78.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
79.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
80.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
81.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
84.	Bốc xếp hàng hóa	5224
85.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
86.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
87.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
88.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
89.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
90.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
91.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
92.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
93.	Cho thuê xe có động cơ	7710
94.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
95.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
96.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
97.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
98.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
99.	(Doanh nghiệp không hoạt động trong lĩnh vực đầu giá tài sản)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LƯƠNG XUÂN NGỌC	Số nhà 18 đường Trần Nguyên Hãn, Phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600	360.000.000	20,000	121496706	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.600	360.000.000	20,000		
2	NGUYỄN HUYỀN THU	Số nhà 116 đường Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500	350.000.000	19,444	121087622	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.500	350.000.000	19,444		

3	TRẦN VĂN QUÝ	Khu phố Trịnh Nguyễn, Phường Châu Khê, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.800	380.000.000	21,112	125083054
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.800	380.000.000	21,112	
4	TẠ VĂN TÚ	Số nhà 290 Tổ dân phố Tân Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600	360.000.000	20,000	122070670
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.600	360.000.000	20,000	
5	NGUYỄN QUANG LƯU	Thôn Tăng Quang, Xã Bích Sơn, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500	350.000.000	19,444	121746653
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.500	350.000.000	19,444	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TẠ VĂN TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 122070670

Ngày cấp: 19/05/2017

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: SN 290 Tổ dân phố Tân Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: SN 290 Tổ dân phố Tân Mai, Phường Đa Mai, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang